

Năng suất lao động và hiệu quả xuất khẩu: lợi ích từ hội nhập kinh tế quốc tế

(Nghiên cứu trường hợp các nước ASEAN)

TRẦN VĂN QUYẾT

Bài viết nghiên cứu những ảnh hưởng của các yếu tố tới năng suất lao động và hiệu quả xuất khẩu của các quốc gia ASEAN trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế. Kết quả thực nghiệm cho thấy ở các nước có mức độ vốn con người cao hơn trong hội nhập kinh tế toàn cầu, chất lượng lao động sẽ đẩy nhanh hiệu quả của hội nhập.

Từ khóa: chất lượng lao động, năng suất, hiệu quả xuất khẩu, độ mở thương mại.

1. Giới thiệu

Không thể phủ nhận những lợi ích mà hội nhập kinh tế quốc tế đem lại, thông qua dòng chảy vốn và hàng hóa đã tạo ra động lực cho các nhà nghiên cứu chuyên sâu về cách thức để thúc đẩy xuất khẩu cho các ngành công nghiệp bản địa bằng cách tận dụng lợi thế so sánh. Mô hình tăng trưởng theo hướng xuất khẩu đã được biết đến như là chiến lược vượt trội để kinh tế đạt hiệu quả khi tập trung vào thị trường ngoài nước. Nhiều nhà kinh tế đã ủng hộ giả thuyết cho rằng một quốc gia không thể có được sự tăng trưởng lâu dài nếu có hàng rào thuế quan được xây dựng nhằm áp đặt cho các sản phẩm xuất khẩu và cản trở dòng chảy hàng hóa và vốn trên thế giới (Rivera-Batiz và Romer, 1991).

Khi tham gia vào hội nhập kinh tế quốc tế, các quốc gia đều thu được lợi ích từ việc xuất khẩu sản phẩm của mình trong bất kỳ trường hợp nào. Trong số các đặc thù cụ thể của mỗi doanh nghiệp, năng suất lao động là yếu tố quyết định mạnh mẽ đến xuất khẩu. Có bằng chứng rộng rãi về giả thuyết tự chọn (self-selection), trong đó các doanh nghiệp có năng suất cao hơn có xu hướng tham gia vào thị trường xuất khẩu và xuất khẩu nhiều sản phẩm của họ. Wagner (2007) kết luận rằng các quốc gia sản xuất mà xuất khẩu hàng hóa thì có năng suất cao hơn so với các nước không xuất khẩu và năng suất doanh nghiệp cao hơn khi họ tự lựa chọn thị trường xuất khẩu, trong khi xuất khẩu không nhất thiết phải cải thiện

năng suất. Melitz (2003) chỉ ra rằng thương mại sẽ khiến các doanh nghiệp có năng suất lao động cao tham gia vào thị trường xuất khẩu, còn các doanh nghiệp có năng suất thấp hơn sẽ tập trung vào phục vụ thị trường nội địa và các năng suất lao động kém nhất sẽ bị loại ra khỏi thị trường cạnh tranh. Arnold và Hussinger (2005) đã phân tích mối quan hệ giữa năng suất và hành vi xuất khẩu trong các công ty của Đức bằng cách sử dụng phương pháp tiếp cận năng suất các yếu tố tác động tổng hợp (TFP). Họ nhận thấy rằng các doanh nghiệp có năng suất lao động cao sẽ tự lựa chọn để gia nhập thị trường xuất khẩu, trong khi chính xuất khẩu không đóng vai trò quan trọng trong cải tiến năng suất.

Việc xem xét lại tài liệu hiện có cho thấy năng suất dường như là một yếu tố quyết định quan trọng cho định hướng xuất khẩu ở cấp độ doanh nghiệp, trong khi không có kết luận về sự ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu (công ty nước ngoài hay trong nước) tới xuất khẩu. Ngoài ra, tác động của nó khác nhau giữa các quốc gia và năng suất lao động ở mức độ doanh nghiệp bị ảnh hưởng lớn bởi quy mô doanh nghiệp, cường độ vốn, chi tiêu cho nâng cấp công nghệ và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác cũng cho rằng các nước kém phát triển hơn không thể cải thiện được cường độ xuất khẩu

Trần Văn Quyết, TS., Trường đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên.

sau khi tự do hóa thương mại, bởi vì sở hữu dây truyền công nghệ kém hiệu quả cũng như thiếu các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu có chất lượng và cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu (Rodrik, 1992).

Tầm quan trọng của hội nhập kinh tế đối với tăng trưởng năng suất trong dài hạn đã được nhiều nhà kinh tế nghiên cứu. Trong lịch sử học thuyết kinh tế, Adam Smith phát triển ý tưởng về "lợi thế tuyệt đối", nhấn mạnh tầm quan trọng tiềm tàng của thương mại tự do, trong đó năng suất lao động tăng đáng kể thông qua thương mại quốc tế (Rodriguez và cộng sự, 2000). Tuy nhiên, lý thuyết của ông đã không được đánh giá cao. Hầu hết các luận điểm bấy giờ ủng hộ ý tưởng của David Ricardo với một lý thuyết lợi thế so sánh. Các mô hình tăng trưởng nội sinh gần đây được phát triển dựa trên ý tưởng về tác động của hội nhập kinh tế đối với hiệu quả kinh tế trong dài hạn. Krugman (1979) và Romer (1987) đã trình bày cả mô hình lý thuyết và các kết quả thực nghiệm cho thấy tác động của hội nhập vào tốc độ tăng trưởng là rất quan trọng trong việc ước tính lợi ích của hội nhập kinh tế đối với hiệu quả kinh tế. Những ảnh hưởng này có được là dựa trên sự gia tăng lợi ích do chuyên môn hóa đem lại (Brahmbhatt, M, 1998).

Các mô hình tăng trưởng kinh tế tân cổ điển cho rằng lợi ích từ hội nhập là tương đối nhỏ, trong khi đó các mô hình tăng trưởng nội sinh lại cho rằng lợi ích của hội nhập kinh tế là rất cao (Rivera-Batiz và Romer, 1991). Ví dụ, ở các nền kinh tế phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế mức độ ổn định cao có thể liên quan đến hội nhập kinh tế, điều đó có thể đạt được bằng cách tăng giá trị thương mại hàng hóa và dịch vụ, hoặc dựa vào phát triển các ý tưởng và phát minh mới đưa vào ứng dụng thực tiễn. Rivera-Batiz và Romer (1991) cũng thừa nhận rằng tốc độ tăng trưởng kinh tế trong dài hạn đã được đẩy mạnh từ hội nhập kinh tế quốc tế do mở rộng thị trường. Hơn nữa, trong mô hình tăng trưởng nội sinh, các nước đều có kết quả tốt hơn khi hội nhập kinh tế nếu họ khai thác được vấn đề hiệu quả và

quy mô khi thị trường lớn hơn. Các quốc gia có trình độ chuyên môn hóa cao đã thực hiện ưu đãi cao cho các nhà hoạch định chính sách nhằm thúc đẩy tiến bộ công nghệ thông qua hội nhập kinh tế. Kết quả là, năng suất lao động trong các nền kinh tế mở tăng gấp đôi so với các nền kinh tế đóng khi hội nhập kinh tế toàn cầu. Họ đã chứng minh nó là không chính xác nếu tuyên bố hội nhập kinh tế chặt chẽ là nguyên nhân thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh hơn do hiệu ứng lan truyền của vốn con người (Benhabib, 1994). Do đó, tăng năng suất trong các mô hình nội sinh phụ thuộc vào nguồn lực mà các công ty phân bổ cho các hoạt động R&D (Brou và Ruta, 2011).

Miller và cộng sự (2000), Mussa M. (2000) cũng đã chỉ ra lợi ích từ hội nhập kinh tế thông qua tăng năng suất phụ thuộc nhiều vào vốn con người. Các nghiên cứu đã chỉ rõ mức độ hội nhập kinh tế cao hơn gắn liền với sự mở cửa của nền kinh tế và việc gia tăng các dòng vốn ngoại sẽ làm cho năng suất lao động tăng theo. Hội nhập kinh tế cao hơn sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài áp dụng các công nghệ tiên tiến để tồn tại trong một thị trường quốc tế cạnh tranh khốc liệt, nhu cầu về lao động có tay nghề cao sẽ gia tăng, dẫn đến năng suất lao động cao hơn (Miller và Upadhyay, 2000). Các nhà nghiên cứu cũng nhận thấy rằng các mức thu nhập khác nhau xác định tác động của chất lượng lao động đến năng suất. Cụ thể hơn ở các quốc gia có thu nhập trung bình, vốn nhân lực có tác động tích cực và đóng góp cao đối với chất lượng tăng trưởng kinh tế, trong khi ở các nước có thu nhập cao tác động của hội nhập quốc tế là tiêu cực. Tùy thuộc vào mức độ mở của nền kinh tế, tác động của vốn con người lên năng suất kinh tế sẽ thay đổi từ tích cực sang tiêu cực khi độ mở của nền kinh tế tăng lên. Ngoài ra, các nước có mức độ hội nhập kinh tế cao hơn khi họ có vốn con người cao hơn (Kosack và Tobin, 2015). Doyle và Martinez-Zarzoso (2011) tuyên bố rằng không có bằng chứng cho thấy các nước có các trường, viện đào tạo chất lượng thấp

có thể thu được lợi ích từ hội nhập kinh tế. Do đó, khi tính để nâng năng suất lao động lên cao hơn, chúng ta cần quan tâm tới nguồn nhân lực hiện tại và mức độ mở của nền kinh tế (Doyle và cộng sự, 2011), (Ozturk I., 2008).

Như vậy, các nghiên cứu đánh giá về những yếu tố ảnh hưởng tới năng suất và hiệu quả xuất khẩu (nêu trên) đã chỉ ra các yếu tố về lợi thế so sánh, chất lượng nguồn nhân lực, độ mở của nền kinh tế..., có những quan niệm cho rằng các yếu tố tác động dương, có nhiều nghiên cứu còn băn khoăn về ảnh hưởng của chúng tới năng suất và hiệu quả thương mại trong hội nhập kinh tế (Kosack và Tobin, 2015). Tuy nhiên chưa có nghiên cứu cụ thể nào được thực hiện ở các nước ASEAN, cũng như chưa xem xét sự tác động gián tiếp của các yếu tố về chất lượng nguồn nhân lực tới

$$Gr_{it} = \beta_0 + \beta_1 LQ_{it} + \beta_2 Trade_{it} + \beta_3 (FO)_{it} + \beta_4 [LQ * Trade]_{it} + \beta_5 [LQ * FO]_{it} + \beta_6 Pop_{it} + \beta_7 LogArea_{it} + \beta_8 Interest_{it} + \beta_9 Inf_{it} + \beta_{10} Urban_{it} + \beta_{11} Infrac_{it} + \beta_{12} GovSize_{it} + \beta_{13} Gini_{it} + State_i + year_i + u_{it}(1)$$

$$EI_{it} = \alpha_0 + \alpha_1 LQ_{it} + \alpha_2 Trade_{it} + \alpha_3 (FO)_{it} + \alpha_4 [LQ * FO]_{it} + \alpha_5 Pop_{it} + \alpha_6 LogArea_{it} + \alpha_7 Inf_{it} + \alpha_8 Infrac_{it} + \alpha_9 Exchange_{it} + \alpha_{10} Gini_{it} + State_i + year_i + u_{it}(2)$$

Trong đó mô hình (1) và mô hình (2) lần lượt phản ánh tác động của các yếu tố cơ bản

tăng năng suất lao động và hiệu quả xuất khẩu ở các nước ASEAN thông qua độ mở về thương mại và độ mở thị trường vốn ngoại.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mô hình kinh tế lượng

Để xác định và đo lường các yếu tố ảnh hưởng tới năng suất lao động và hiệu quả xuất khẩu của các quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế, dựa vào các nghiên cứu của Boghean (2015), Chang (2009), Doyle (2011), và Miller (2000), chúng tôi quan tâm tới các yếu tố có liên quan tới các lợi ích nhận được từ việc hội nhập kinh tế quốc tế. Để đánh giá một cách thực nghiệm ảnh hưởng của các yếu tố đối với hiệu quả kinh tế thông qua hội nhập quốc tế, các phương trình ước lượng với dữ liệu bảng được xác định cho quốc gia i tại thời điểm t được đưa ra như sau:

tới năng suất lao động và hiệu quả xuất khẩu thông qua hội nhập kinh tế.

BẢNG 1: Diễn giải và đơn vị đo lường các biến được sử dụng trong mô hình nghiên cứu

Các biến số	Ý nghĩa	Đo lường/đơn vị tính	Các biến số	Ý nghĩa	Đo lường/đơn vị tính
Gr	Năng suất lao động trên một giờ	Được đo bằng RGDP/tổng số giờ lao động (\$/giờ)	Interest	Lãi suất chiết khấu bình quân 12 tháng	%
Trade	Độ mở thương mại	Tỷ trọng của xuất nhập khẩu trong GDP (%)	Inf	Lạm phát	%
FO	Mức độ mở cửa dòng vốn ngoại (Financial open)	Tỷ trọng của vốn FDI trong GDP (%)	Urban	Tỷ lệ dân số thành thị	%
LQ	Chất lượng lao động	Số năm đi học của người lao động (năm)	Infrac	Đo lường trình độ phát triển cơ sở hạ tầng.	Số điện thoại cố định/100 dân
Pop	Tốc độ tăng dân số	%	GovSize	Quy mô nền kinh tế	GDP (tỷ USD)
LogArea	Diện tích quốc gia	Logarit của diện tích đất liền	Gini_edu	Hệ số bất bình đẳng trong giáo dục	Điểm
Exchange	Tỷ lệ thay đổi của tỷ giá	%	State	Biến phân loại ảnh hưởng khác nhau giữa các quốc gia trong quá trình hội nhập	1- Việt Nam 2- Philippin 3- Xingapo 4- Indônêxia 5- Malaixia
EI	Hiệu quả xuất khẩu	Tỷ trọng của xuất khẩu trong GDP (%)	U	Sai số ngẫu nhiên của mô hình	

2.2. Các kiểm định mô hình

2.2.1. Kiểm định đơn vị (Unitroot test)

Trước khi ước lượng các ảnh hưởng của các yếu tố tới năng suất lao động và hiệu quả thương mại, để tránh các kết quả sai lệch, chúng tôi kiểm định tính dừng của dữ liệu chuỗi thời gian dựa trên kiểm định đơn vị của Dickey-Fuller cho dữ liệu bảng. Giả thuyết H0 là các biến số có tính dừng. Sau khi thực hiện kiểm định, nếu dữ liệu chưa dừng, chúng ta sẽ khắc phục tính dừng và thực hiện ước lượng mô hình hồi quy FEM và REM, sau đó thực hiện kiểm định Hausman để lựa chọn mô hình phù hợp (Semykina, 2010).

2.2.2. Kiểm định tác động nội sinh và biến công cụ

Các phương trình được trình bày ở trên có thể gặp “tính đồng nhất”, đây là một vấn đề lớn trong mô hình hồi quy dữ liệu chéo là các quốc gia. Do đó, các mô hình có thể gặp vấn đề ảnh hưởng của biến nội sinh dẫn đến ước tính sai lệch. Để kiểm tra các vấn đề tính nội sinh (Rivera-Batiz, 1991), chúng tôi sử dụng kiểm định của Durbin-Wu-Hausman. Hơn nữa, trong bài viết này, chúng tôi cũng kiểm tra mối quan hệ nhân quả do Granger (1969) đưa ra trong dữ liệu bảng, thực hiện một thủ tục được đề xuất bởi Dumitrescu và Hurlin (2012). Nghiên cứu cũng thực hiện việc kiểm tra hiệu quả của các biến công cụ để đáp ứng hai giả định, nó không liên quan gì đến các phần còn lại nhưng có tương quan cao với biến phụ thuộc. Điều quan trọng là, mặc dù việc áp dụng các kỹ thuật biến công cụ có thể giải quyết vấn đề về tính không đồng nhất, về nguyên tắc không có các biến công cụ có sẵn. Biến công cụ tốt là không có tương quan

với sai số nhưng có mối tương quan cao với các biến độc lập được chọn (Bende-Nabende, et al, 2001).

2.3. Nguồn dữ liệu

Vì lý do dữ liệu không đầy đủ, nghiên cứu chỉ thu thập được số liệu của 5 quốc gia có sẵn dữ liệu, bao gồm các nước: Việt Nam, Philippin, Xingapo, Indônêxia và Malaixia. Nghiên cứu dựa vào các bằng chứng và dữ liệu tính toán từ hai bộ dữ liệu riêng biệt. Tập dữ liệu thứ nhất, bao gồm năng suất và việc làm, được lấy từ bộ dữ liệu của Conference board total economy. Tập dữ liệu thứ hai dựa trên dữ liệu bảng cân đối của 5 quốc gia ở Đông Nam Á từ năm 1960 đến năm 2015 thu thập được từ Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á và Liên hợp quốc. Khi dữ liệu thiếu trong bất kỳ giai đoạn nào, nó sẽ được loại bỏ để nắm bắt xu hướng phát triển. Kỹ thuật ước lượng dựa trên một bộ dữ liệu bảng được xây dựng trong khoảng 5 năm từ 5 quốc gia ASEAN được lựa chọn.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Ảnh hưởng của các yếu tố tới năng suất lao động

Trong cột 1 (bảng 2), trong số các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi năng suất lao động, có mối quan hệ tích cực giữa trình độ học vấn và sự thay đổi năng suất ở mức xác suất ý nghĩa 5%. Điều đó có nghĩa là gia tăng 1 năm đi học sẽ làm cho năng suất lao động bình quân tăng thêm 0,87 đơn vị. Kết quả ước lượng này không đáng ngạc nhiên vì trình độ học vấn có vai trò đối với hiệu quả hoạt động kinh tế ở các nước có thu nhập thấp đã được minh chứng trong các nghiên cứu nói trên.

BẢNG 2: Kết quả hồi quy đo lường ảnh hưởng của các yếu tố tới năng suất lao động thông qua hội nhập kinh tế ở các nước ASEAN

Các biến số	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Hàng số	-1573,20 (851,46)	-256,93 (111,67)*	-514,31 (373,1)	-1651,30 (1007,8)	-1704,95 (1168,3)	-1752,6 (764,16)
LQ	,8738 (,2978)**	-,5239 (,0568)***	-,4611 (,6741)	,3596 (,4580)	,9684 (1,36)	1,780 (4,668)

Năng suất lao động ...

Các biến số	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
FO	24,498 (9,856)*	-16,385 (11,245)	-52,75 (143,52)	55,806 (8,410)***	13,182 (47,08)	27,27 (157,29)
Trade	,3105 (1,016)	-4,154 (1,322)**	-1,404 (8,560)	2,4572 (,679)**	4,1769 (2,256)	2,248 (6,379)
Pop	,2225(,9487)	-,9363 (,2883)**	-,8575 (,8676)	-,9197 (,8680)	-,5429 (1,338)	-,8250 (1,73)
Log(Area)	134,32(73,0 17)	22,51 (9,494)*	44,444 (31,411)	141,29 (86,37)	145,693 (99,82)	149,98 (65,23)*
Inf	,0189 (,01315)	,0013 (,0016)	,0451 (,0414)	,02061 (,0171)	,01964 (,0182)	,1665 (,1018)
Urban	-,054(,0961)	,0254(,0147)	,0598 (,1982)	-,0018 (,11637)	,02961 (,11948)	,20122 (,4976)
Gini_edu	4,994 (5,282)	-2,654 (3,964)	-3,778 (7,475)	11,151 (12,066)	5,073 (11,40)	9,40 (10,70)
FO * LQ	-	2,115 (2,119)	9,1494 (23,50)	-	-2,184 (2,611)	9,278 (198,39)
Trade * LQ	-	,7673 (,1098)***	,39726 (1,053)	-	75,84 (76,71)	-,5204 (6,5658)
Interest	-	-	,0188 (,1672)	-	-	,1504 (,3408)
Infras	-	-	-,0958 (,0962)	-	-	-,2764 (,1849)
Govsize	-	-	,0809 (,11029)	-	-	,1532 (,1261)
R ²	0,3173	0,2880	0,3894	0,3172	0,3172	0,4035
Prob, F-stat	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000
Cỡ mẫu	36	36	27	36	36	27

Chú ý: (*)- Các mô hình đều sử dụng kiểm định Sai số chuẩn mạnh (Robust Standard errors) để loại trừ phương sai sai số thay đổi (Heteroskedasticity), **(**)** tất cả mô hình kinh tế lượng (từ mô hình (1) tới mô hình (6) đều là mô hình FEM - fixed effect model sau khi thực hiện kiểm định Hausman test), * p < 0,1 ** p < 0,05 and *** p < 0,1.

Liên quan đến tác động của dòng vốn ngoại tới năng suất lao động, kết quả cho thấy nó có tác động đáng kể và tích cực đến năng suất lao động (hệ số của biến FO dương). Tuy nhiên trong các nghiên cứu đã tổng quan, tác giả chưa thấy chỉ ra mối quan hệ giữa quy mô vốn ngoại (FDI) với

tăng năng suất lao động. Ước lượng cả ý nghĩa kinh tế và thống kê trong kết quả phân tích đã cho thấy việc tăng năng suất lao động có liên quan chặt chẽ tới dòng vốn ngoại trong dài hạn. Ngược lại, các biến số khác bao gồm độ mở thương mại (trade), tỷ lệ tăng dân số, diện tích đất đai, tỷ lệ lạm

phát, đô thị hóa và bất bình đẳng trong giáo dục được coi là ảnh hưởng không đáng kể với mức độ xác suất ý nghĩa ít nhất là 10%. Do đó, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra việc tăng năng suất không phụ thuộc vào các yếu tố đó. Mặt khác, ở cột 4 (bảng 2), trong khi hệ số biến LQ (chất lượng lao động) có ảnh hưởng là tích cực nhưng không đáng kể, độ mở về dòng vốn ngoại và độ mở thương mại có tác động tích cực và đáng kể đến sự thay đổi năng suất ở xác suất tin cậy tương ứng là 99% và 95%. Điều đó có nghĩa nếu hội nhập nhiều hơn nữa về thương mại và đầu tư thì năng suất lao động sẽ cao hơn.

Một cách khác, trong biến tương tác $FP*LQ$, $Trade*LQ$ cho biết tác động gián tiếp của chất lượng nguồn nhân lực có ảnh hưởng tích cực tới năng suất lao động thông qua độ mở thương mại và mức độ mở của dòng vốn ngoại. Theo Leamer (1995), việc đẩy mạnh cạnh tranh, tăng cường công nghệ hiện đại, tăng nhu cầu về lao động có trình độ cao và thúc đẩy việc học theo nguyên tắc chủ yếu là từ mở cửa lớn hơn trong hội nhập kinh tế. Kết quả từ cột 2 (bảng 2) cho thấy có sự kết hợp giữa việc mở cửa thương mại thương mại với nâng cao chất lượng giáo dục sẽ có ảnh hưởng tích cực tới việc tăng năng suất ở mức độ xác suất tin cậy cao ($\geq 90\%$), trình độ học vấn tác động và làm tăng năng suất nhờ mở cửa thương mại. Tuy nhiên, tương tác giữa độ mở cửa dòng vốn và trình độ học vấn là không đáng kể, kết quả là số năm đi học không tác động tới việc thay đổi năng suất mặc dù có mở cửa về dòng vốn ngoại. Mặt khác, cũng xét 2 biến tương tác trong cột 5 (bảng 2), cả hệ số biến tương tác giữa trình độ học vấn với độ mở về dòng vốn ngoại (FO) và độ mở thương mại là không đáng kể.

3.2. Ảnh hưởng của các yếu tố tới xuất khẩu

Các kết quả được trình bày trong bảng 3 cho thấy ảnh hưởng của trình độ giáo dục

đối với các ngành xuất khẩu thông qua hội nhập kinh tế. Thông qua hệ số xác định R^2 đều lớn hơn 0,7 (>70%) trong cả 6 phương trình hồi quy có thể giải thích rằng trên 70% sự biến động của hiệu quả xuất khẩu trong các quốc gia ASEAN chịu sự tác động của các yếu tố chính như trình độ học vấn, sự mở cửa về dòng vốn ngoại, sự mở cửa thương mại, tăng trưởng dân số, diện tích, tỷ lệ lạm phát và chỉ số bất bình đẳng giáo dục.

Như đã đề cập ở trên, lao động có tay nghề cao gắn liền với năng suất lao động cao hơn và tạo ra sản lượng cao dẫn đến sản phẩm dư thừa là nguồn cung tăng trưởng chính cho ngành xuất khẩu. Kết quả cho thấy việc tăng thêm một năm đi học sẽ dẫn tới sự gia tăng thêm 0,15% tỷ trọng xuất khẩu của GDP (cột 1). Tuy nhiên, trong mẫu nghiên cứu này, các biến số còn lại tác động không đáng kể đối với xuất khẩu, điều này mâu thuẫn với kết quả trước đó. Hệ số các biến tương tác giữa giáo dục và độ mở vốn là “-” và có ý nghĩa ở mức xác suất 10% (cột 2). Do đó, sự tác động đồng thời giữa trình độ giáo dục và độ mở dòng vốn ngoại sẽ làm giảm tỷ trọng xuất khẩu trong GDP. Ngoài ra, trong cột 3, hệ số thuê bao điện thoại di động (trên 100 người) như là một biến đại diện cho hệ thống cơ sở hạ tầng cho thấy có ý nghĩa tích cực ở mức 5%, vì vậy ta miễn cưỡng có thể nói rằng công nghệ thông tin đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy xuất khẩu. Một yếu tố quyết định khác của xuất khẩu là tỷ giá hối đoái, nếu ta thay đổi 1% tỷ giá hối đoái (đồng nội tệ/USD) sẽ tác động và làm cho tỷ trọng xuất khẩu trong GDP tăng thêm 0,14% ở mức ý nghĩa 5%.

Mặt khác, tác động số năm học đối với xuất khẩu được thấy là không đáng kể (cột 4, 5 và 6). Ở mức 10% có ý nghĩa, việc tăng dân số sẽ dẫn đến tỷ lệ xuất khẩu thấp hơn. Các biến bổ sung khác cũng được tìm thấy là đáng kể. Người ta gợi ý rằng các dữ liệu

Năng suất lao động ...

giáo dục mới thực hiện tốt hơn so với cũ trong việc xác định xuất khẩu.

BẢNG 3. Kết quả hồi quy đo lường ảnh hưởng của các yếu tố tới xuất khẩu thông qua hội nhập kinh tế ở các nước ASEAN

Các biến số	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Hằng số	71,256 (32,013)*	5,162 (28,23)	119,64 (18,22)***	23,61 (39,89)	25,176 (44,034)	28,14 (42,943)
LQ	,1578 (,051)**	,1880 (,0509)**	,1353 (,05924)*	-,0795 (,0835)	-,1125 (,1682)	,3100 (,3274)
FO	-2,420 (2,714)	6,465 (2,540)*	-19,59 (5,529)**	8,367 (4,173)	8,067 (3,24)*	-3,840 (4,218)
Pop	-,02671 (,1352)	,00194 (,1228)	,2805 (,1232)*	-,34708 (,155)*	-,3475 (,1594)*	,122 (,242)
Log(Area)	-5,819 (2,747)	-,1807 (2,409)	-9,916 (1,518)***	-1,623 (3,393)	-1,756 (3,744)	-2,072 (3,704)
Inf	,00022 (,00088)	,00120 (,00057)	-,0196 (,003)***	,0012 (,0010)	,0011 (,0012)	,0105 (,0107)
Urban	-,0250 (,03823)	-,0244 (,0348)	,0131 (,0636)	-,0063 (,0627)	-,0051 (,0642)	-,0579 (,0797)
Gini_edu	-,47359 (,9019)	-,11274 (,6471)	-3,218 (,6826)***	,20171 (,3094)	,0866 (,263)	-1,917 (1,308)
FO * LQ	--	-1,245 (,4772)*	,3908 (,5725)	--	,4794 (1,394)	-2,484 (2,854)
Interest	--	--	,0163 (,0188)	--	--	,0123 (,0519)
Infras	--	--	,00389 (,0010)**	--	--	-,0314 (,0339)
Govsize	--	--	-,0136 (,0098)	--	--	,03133 (,01754)
Exchange	--	--	,0140 (8,005)**	--	--	,0108 (,01019)
R ²	0,7248	0,7015	0,7633	0,7301	0,7292	0,7412
Prob, F-stat	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000
Cỡ mẫu	36	36	23	36	36	27

Chú ý: (*)- Các mô hình đều sử dụng kiểm định Sai số chuẩn mạnh (Robust Standard errors) để loại trừ phương sai sai số thay đổi (Heteroskadasticity), **(**)** tất cả mô hình kinh tế lượng (từ mô hình (1) tới mô hình (6) đều là mô hình FEM - fixed effect model sau khi thực hiện kiểm định Hausman test), * p < 0,1 ** p < 0,05 and *** p < 0,1.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, có những tác động tích cực và đáng kể của trình độ giáo dục như là một đại diện cho chất lượng nhân lực ảnh hưởng đến năng suất. Trình độ giáo dục không chỉ trực tiếp ảnh hưởng đến năng suất mà còn đẩy nhanh hiệu quả của sự mở cửa thương mại. Trình độ giáo dục trực tiếp có ảnh hưởng đáng kể đến xuất

khẩu, nhưng nó không làm gia tăng ảnh hưởng của độ mở về dòng vốn ngoại. Ngoài ra, trình độ giáo dục có tác động đáng kể và tích cực đối với hiệu quả xuất khẩu trong quá trình hội nhập. Tuy nhiên, sự tương tác trình độ giáo dục và độ mở về dòng vốn ngoại là đáng kể nhưng tiêu cực, do đó chất lượng lao động làm giảm tác động của dòng vốn ngoại tới hiệu quả xuất khẩu. Các biến khác không

ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu, ngoại trừ cơ sở hạ tầng và tỷ giá hối đoái./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aizenman J., Jinjark Y. & Park D. (2013), Capital flows and economic growth in the era of financial integration and crisis, 1990–2010, *Open Economies Review*, 24(3), 371-396.

2. Arnold J. M. and K. Hussinger (2005), Export behavior and firm productivity in German manufacturing: A firm-level analysis, *Review of World Economics*, vol. 141, No. 2, pp. 219-243.

3. BendeNabende A., Ford J. & Slater J. (2001), FDI, regional economic integration and endogenous growth: Some evidence from Southeast Asia, *Pacific Economic Review*, 6(3), 383-399.

4. Benhabib J. & Spiegel M. M. (1994), The role of human capital in economic development evidence from aggregate cross-country data, *Journal of Monetary Economics*, 34(2), 143-173.

5. Boghean C. & State, M. (2015), The Relation between Foreign Direct Investments (FDI) and Labour Productivity in the European Union Countries, *Procedia Economics and Finance*, 32, 278-285.

6. Brahmhatt M. (1998), *Measuring global economic integration: A review of the literature and recent evidence: Working paper*, Washington D.C: The World Bank's World Development Indicators.

7. Brou D. & Ruta M. (2011), Economic integration, political integration or both? *Journal of the European Economic Association*, 9(6), 1143-1167.

8. Chang R., Kaltani L. & Loayza N. V. (2009), Openness can be good for growth: The role of policy complementarities, *Journal of Development Economics*, 90(1), 33-49.

9. Doyle E. & Martinez-Zarzoso I. (2011), Productivity, trade, and institutional quality: a panel analysis, *Southern Economic Journal*, 77(3), 726-752.

10. Dumitrescu E. I. & Hurlin C. (2012), Testing for Granger non-causality in heterogeneous panels, *Economic Modelling*, 29(4), 1450-1460.

11. Granger C. W. J. (1969), Investigating causal relations by econometric models and cross-spectral methods, *Econometrica*, 37(3), 424-438.

12. Kosack S. & Tobin J. L. (2015), Which Countries' Citizens Are Better Off With Trade? *World Development*, 76, 95-113.

13. Krugman P. R. (1979), Increasing returns, monopolistic competition, and international trade, *Journal of International Economics*, 9(4), 469-479.

14. Melitz M. (2003), The impact of trade on intra-industry reallocations and aggregate industry productivity, *Econometrica*, Vol. 71, pp.1695-1725.

15. Miller S. M. & Upadhyay M. P. (2000), The effects of openness, trade orientation, and human capital on total factor productivity, *Journal of Development Economics*, 63(2), 399-423.

16. Miller S. M. & Upadhyay M. P. (2002), Total factor productivity and the convergence hypothesis, *Journal of Macroeconomics*, 24(2), 267-286.

17. Mussa M. (2000), Factors driving global economic integration, *Global economic integration: Opportunities and challenges*, 9-55.

18. Ozturk I. (2008), The Role of Education in Economic Development: A Theoretical Perspective, *Journal of Rural Development and Administration*, 33(1), 39-47.

19. Palley T. I. (2011), The rise and fall of export-led growth, *Levy Economics Institute of Bard College Working Paper*, No.675

20. Rivera-Batiz L. A. & Romer P. M. (1991), Economic integration and endogenous growth, *Quarterly Journal of Economics*, 106(2), 531-555.

21. Rodriguez F. & Rodrik D. (2000), Trade policy and economic growth: a skeptic's guide to the cross-national evidence, *NBER macroeconomics annual*, 15, 261-325.

22. Rodrik D. (1992), *The limits of trade policy reforms in developing countries: New evidence from Nepal*, Nova Science, New York.

23. Romer P. M. (1986), Increasing returns and long-run growth, *Journal of Political Economy*, 94(5), 1002-1037.

24. Romer P. M. (1987), Growth based on increasing returns due to specialization, *The American Economic Review*, 77(2), 56-62.

25. Semykina A. & Wooldridge J. M. (2010), Estimating panel data models in the presence of endogeneity and selection, *Journal of Econometrics*, 157(2), 375-380.

26. Wagner J. (2007), Exports and productivity: A survey of the evidence from firm-level data, *The World Economy*, Vol. 30, No. 1, pp. 60-82.

27. World Bank Country and Lending Groups. (n.d.), Retrieved July 09, 2017, from <https://datahelpdesk.worldbank.org/knowledgebase/articles/906519-world-bank-country-and-lending-groups>